

Số: 5488 /BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

V/v đăng tải dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ.



Để chuẩn bị cho công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, thực hiện Nghị quyết số 974/2020/UBTVQH14 ngày 13/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 (dự thảo Nghị quyết). Ngày 09/7/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 5351/BKHĐT-TH gửi các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề nghị góp ý đối với dự thảo Nghị quyết.

Căn cứ quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Văn phòng Chính phủ đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết (gửi kèm theo)¹ lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu, góp ý. Thời hạn đăng tải dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định hiện hành.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Lưu VT, Vụ TH.

L03

TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Anh Tuấn

¹ Về thông tin, nội dung, dự thảo Nghị quyết, đầu mối phối hợp, đề nghị liên hệ: Ngô Hữu Hoàng Long, số điện thoại: 09.6226.8666, hòm thư điện tử: longnhh@mpi.gov.vn.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2024/UBTVQH15 Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số /BC-UBTCNS15 ngày tháng năm 2024 và Báo cáo tiếp thu, giải trình số /BC-UBTCNS15 ngày tháng năm 2024 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030,

QUYẾT NGHỊ:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2026-2030

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng quy định của Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 của Luật Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

1. Quốc phòng: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách trung ương và địa phương theo phân cấp; công tác rà phá bom, mìn, vật nổ phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng.

2. An ninh và trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, điều tra phòng, chống tội phạm, thi hành án hình sự, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của đơn vị chuyên trách Trung ương và địa phương theo phân cấp.

3. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp thuộc các cấp học từ mầm non đến đại học; đầu tư cơ sở đào tạo cán bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

4. Khoa học, công nghệ: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, thí nghiệm, thực nghiệm, phân tích, kiểm định, kiểm nghiệm, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, sở hữu trí tuệ, thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ phát triển công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

5. Y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ mục tiêu về y tế (bao gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, cấp cứu, phục hồi chức năng; y học cổ truyền; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; kiểm định, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế), dân số, gia đình, sức khỏe sinh sản, vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Văn hóa, thông tin gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa;

b) Thông tin: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí của Nhà nước.

7. Phát thanh, truyền hình, thông tấn: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát thanh, truyền hình, thông tấn nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu.

8. Thể dục, thể thao: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

9. Bảo vệ môi trường gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Môi trường: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, cải thiện môi trường, xử lý chất thải, nước thải, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

b) Tài nguyên: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất, khoáng sản, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học.

10. Các hoạt động kinh tế gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ các mục tiêu thuộc các lĩnh vực sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản; kinh tế nông thôn (bao gồm xây dựng nông thôn mới, cung cấp nước sạch và bảo đảm vệ sinh môi trường nông thôn, phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn gắn với hộ gia đình và hợp tác xã, bố trí, sắp xếp lại dân cư nông thôn, định canh, định cư, ổn định di dân tự do và tái định cư); phát triển giống cây trồng, vật nuôi; trồng, bảo vệ và phát triển rừng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh, ổn định đất lúa, bảo đảm an ninh nguồn nước;

b) Công nghiệp: cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo; các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực dầu khí theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất và trang thiết bị in, đúc tiền;

c) Giao thông: kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, cảng hàng không, sân bay;

d) Khu công nghiệp và khu kinh tế: hạ tầng các khu kinh tế ven biển, khu

kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt, khu thương mại tự do và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

đ) Thương mại: chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu;

e) Cấp nước, thoát nước;

g) Kho tàng: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, kho dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng;

h) Du lịch: cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch;

i) Viễn thông: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu viễn thông nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu; hạ tầng số; hạ tầng phát triển mạng điện báo đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; hạ tầng trung tâm dữ liệu quốc gia và điện toán đám mây phục vụ mục đích quốc gia;

k) Bưu chính: cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu bưu chính nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ xã hội và công ích thiết yếu;

l) Công nghệ thông tin: hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng và Nhà nước; hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu; các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ quốc gia dùng chung; an toàn, an ninh mạng; vi mạch bán dẫn; trí tuệ nhân tạo;

m) Quy hoạch: các nhiệm vụ quy hoạch;

n) Công trình công cộng tại các đô thị;

o) Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

11. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phục vụ mục tiêu xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở, nhà công vụ, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, nhà nước; dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài.

12. Xã hội: các nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, nuôi dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; cơ sở hỗ trợ hoạt động thanh thiếu niên, phụ nữ, nông dân; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt

sỹ; cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác; nhà lưu trú cho người lao động.

13. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật: hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng, chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc đối tượng đầu tư công chưa phân loại được vào 12 ngành, lĩnh vực nêu trên.

Điều 4. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của đất nước tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của quốc gia, các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm, các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030, bảo đảm các chỉ tiêu cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách trung ương và địa phương, bảo đảm ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn đầu tư tập trung; không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ giao kế hoạch vốn đối với các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, giáo

dục, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong cả nước.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 được thực hiện như sau:

a) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Đầu tư công (nếu còn);

b) Phân bổ đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch nhưng chưa có nguồn để thu hồi (nếu còn);

c) Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

d) Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

đ) Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư (bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư giai đoạn sau);

e) Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các bộ, cơ quan trung ương và giữa các ngành, lĩnh vực; vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương; ưu tiên vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt

đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2026-2030:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định của Luật Đầu tư công.

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương:

(i) Dành tối đa không quá 30% để bổ sung có mục tiêu cho địa phương và được phân bổ theo ngành, lĩnh vực (không bao gồm vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài).

(ii) Mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

- Phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương theo ngành, lĩnh vực. Các bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm phân bổ cụ thể cho các chương trình, dự án theo đúng quy định của pháp luật và theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này.

- Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh, nghĩa vụ thanh toán của ngân sách trung ương, các chính sách khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương theo quy

định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương nước ngoài giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị quyết này về các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Ưu tiên tập trung bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh.

b) Vốn nước ngoài của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

c) Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phải bảo đảm đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Tiêu chí, định mức, cơ cấu phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, thuộc đối tượng đầu tư công quy định của Luật Đầu tư công và phù hợp với Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm.

b) Cơ cấu phân bổ vốn ngân sách trung ương:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 chuyển sang; các dự án đã đủ điều kiện bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Bố trí vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; chương trình, dự án đã ký hiệp định/thỏa thuận ODA nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; chương trình, dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư; chương trình, dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư; chương trình, dự án đã được phê duyệt đề xuất dự án).

- Mức vốn còn lại (nếu có) để bố trí cho chương trình, nhiệm vụ, dự án

phát sinh trong kỳ trung hạn sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030

1. Bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành.

2. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện theo chủ trương đầu tư của từng chương trình do Quốc hội quyết định.

Điều 8. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho bộ, cơ quan trung ương giai đoạn 2026-2030

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và phân bổ theo nguyên tắc, tiêu chí cụ thể như sau:

a) Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030 cho các dự án chuyển tiếp thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

b) Bố trí cho các dự án mới thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương quy định của Luật Đầu tư công theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 9. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng kinh tế động lực, cực tăng trưởng, các địa phương có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách trung ương với việc ưu tiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Tây Nguyên, các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong cả nước;

b) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công; trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả;

d) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được thực hiện như sau:

Bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này, trong đó ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án lớn, có tính liên vùng, liên quốc gia, quốc tế, mang tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, quốc gia.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này;

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Phân bổ cho các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực của địa phương trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí dân số: Số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số của các địa phương (trừ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh);

- Tiêu chí về trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết), tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương và tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương;

- Tiêu chí diện tích: Diện tích đất tự nhiên, diện tích đất trồng lúa, tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương;

- Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp huyện: Số đơn vị hành chính cấp huyện; số huyện miền núi; thành phố đảo; vùng cao, hải đảo; biên giới đất liền của từng địa phương;

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí xã ATK; khu vực chịu tác động của công trình quốc phòng và khu vực quân sự nhóm đặc biệt; xã đặc biệt khó khăn vùng III;

+ Tiêu chí các xã đảo, xã biên giới đất liền, gồm: các xã biên giới Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia;

+ Tiêu chí vùng, gồm: các vùng chịu tác động lớn của thiên tai, biến đổi khí hậu (mưa bão, sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng,...).

+ Tiêu chí ưu tiên địa phương theo các Nghị quyết của Quốc hội.

Điều 10. Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Được phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 3 và các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Tập trung đầu tư vào các công trình, dự án có tính liên tỉnh, liên huyện. Đầu tư tập trung, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao; đảm bảo không dàn trải, manh mún.

3. Đảm bảo bố trí đủ vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng, đảm bảo an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh, các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

4. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2026 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2026; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2024, ước thực hiện năm 2025.

5. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương từ năm 2027 đến năm 2030 được xác định từng năm trên cơ sở tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026 (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết theo báo cáo của các địa phương).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Tổ chức và chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết này theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định

mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 12. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Quy định chi tiết định mức phân bổ đối với từng tiêu chí, các mốc thời gian, cơ quan cung cấp số liệu làm căn cứ để xác định vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương trong giai đoạn 2026-2030; xác định tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương so với vốn đầu tư công năm 2026.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền giao, quy định tại Nghị quyết này, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Quy định chi tiết việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 13 Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Điều 14. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn